TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST Ngày 29-01-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân C sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2020, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân C ngày 30 tháng 7 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống

cùng với bố mẹ anh C tại thôn X, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra giữa chị và mẹ anh C còn có mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày vì nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ cuối năm 2015 đến nay chị và anh C sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa, trong suốt thời gian sống ly thân chị và anh C không quay về đoàn tụ với nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014. Từ khi sống ly thân các con do anh C nuôi dưỡng, nay chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng. Hiện tại chị làm nông nghiệp thu nhập từ 4 đến 5 triệu/tháng, chị chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi một con nên chị đề nghị cấp dưỡng để anh C nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng N là 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Xuân C không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04 tháng 12 năm 2020 bị đơn anh Nguyễn Xuân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng như lời khai chị L đã trình bày ở trên. Quá trình chung sống do chị Nguyễn Thị L có quan hệ nam nữ không đúng đắn với người khác giới nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị L có đơn ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có hai con chung như chị Nguyễn Thị L trình bày. Từ khi sống ly thân các con do anh nuôi dưỡng, nay anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị L không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiêm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các

điều 51, 56, 58, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân C. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Hồng N cho anh Nguyễn Xuân C nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh Nguyễn Xuân C nuôi con Nguyễn Thị Hồng N là 1.000.000đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con Nguyễn Thị Hồng N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Xuân C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân C.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 30 tháng 7 năm 2013, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, chị L và anh C đã sống ly thân nhiều năm nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân C có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014. Chị L và anh C đều có quan điểm sau ly hôn đề nghị Tòa án giao các con cho anh C nuôi dưỡng. Xét, từ khi sống ly thân các con do anh C nuôi dưỡng, nguyện vọng của các con là được ở với anh C nên để đảm sự ổn định của các con chấp nhận yêu cầu của chị L và anh C về việc nuôi con, giao các con Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Hồng N cho anh Nguyễn Xuân C nuôi

dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Xuân C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị L đề nghị cấp dưỡng đối với con Nguyễn Thị Hồng N 1.000.000đồng/tháng. Xét đề nghị của chị L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Xuân C đối với con Nguyễn Thị Hồng N là 1.000.000đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án quyết định có hiêu lực pháp luật đến khi con Nguyễn Thị Hồng N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Xuân C đều khai không có tài sản chung và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 23 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Hồng N sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014 cho anh Nguyễn Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Xuân C đối với con chung Nguyễn Thị Hồng N là 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con Nguyễn Thị Hồng N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng chị Nguyễn Thị L chịu 600.000đồng án phí để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012819 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, nay chị L phải nộp tiếp 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, T.P Hải Phòng;
- UBND xã H, huyện A, T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên